

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805101] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2205A)

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041), Mai Văn Lê (Số tờ giấy thi: 15)

Mai Văn Lê
Ngô Đức Khôi
Mai Văn Lê
Ngô Đức Khôi

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh Âu	12/08/2004	CCQ2205A		CT	8,8	9,5	9,2
2	2122050009	Nguyễn Thành Thanh Bảo	14/05/2004	CCQ2205A			8,2	5,0	6,3
3	2122050022	Mai Quang Đại	10/06/2004	CCQ2205A		DAI	8,4	7,0	7,6
4	2122050026	Nguyễn Xuân Duy	09/12/2004	CCQ2205A		ND	6,7	7,0	6,9
5	2122050012	Huỳnh Ngô Phước Hải	26/03/2004	CCQ2205A					
6	2122050120	Phạm Thanh Hải	25/01/2004	CCQ2205A		Ho	7,3	5,0	5,9
7	2122050119	Trương Minh Hiền	16/11/2004	CCQ2205A		TH	5,7	8,0	7,1
8	2122050023	Trần Hữu Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		Hoang	7,2	7,5	7,4
9	2122050129	Tổng Quang Huy	09/06/2002	CCQ2205D					
10	2122050029	Lương Duy Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		Khoa	6,4	8,0	7,4
11	2122050015	Trương Đức Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		ngoc	7,2	5,0	5,9
12	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu Nhân	17/11/2004	CCQ2205A		CH	9,3	10	9,7
13	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		ND	7,2	7,0	7,1
14	2122050017	Huỳnh Tuấn Nhật	05/03/2004	CCQ2205A		nhật	7,7	8,0	7,9
15	2122050003	Nguyễn Minh Nhật	06/01/2004	CCQ2205A					
16	2122050118	Lê Tuấn Phong	02/08/2004	CCQ2205A					
17	2122050028	Lê Mậu Hải Quân	09/03/2004	CCQ2205A					
18	2122050032	Lê Nam Quốc	26/03/2004	CCQ2205A		Q	5,3	7,0	6,3
19	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		quoc	7,8	5,0	6,1
20	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		Son	5,0	8,0	6,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805102] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2205A)

Số SV có mặt: 16..

Số bài thi:16..

CBGD: Mai Văn Lê (280013), Phạm Toàn Sinh (Số tờ giấy thi: 16)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		An	8,4	9,5	9,1
2	2122050047	Nguyễn Tấn	Chiến	25/06/2004	CCQ2205B					
3	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B		Cuong	6,2	8,0	7,3
4	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		Pham	7,2	5,5	6,2
5	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Duc	7,9	7,5	7,7
6	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B					
7	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	8,7	8,5	8,6
8	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		Hieu	8,5	8,5	8,5
9	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A		Tai	6,3	7,0	6,7
10	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		Tan	7,3	8,0	7,7
11	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A		Thai	8,3	8,0	8,1
12	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		Nhu	7,5	6,0	6,6
13	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A					
14	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		Trinh	6,3	7,5	7,0
15	2122050025	Đặng Minh	Trúc	07/01/2004	CCQ2205A		Truc	7,3	8,0	7,7
16	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A		Truong	6,4	6,0	6,2
17	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A					
18	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		Tuan	5,8	8,0	7,1
19	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A		Viet	6,9	8,0	7,6
20	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		Viet	4,6	6,0	5,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805103] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2205B)

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041), Mai Văn Lê (Số tờ giấy thi: 15)

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	7,0	9,0	8,2
2	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	3,8	0,0	1,5
3	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B				
4	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	6,9	6,0	6,1
5	2122050045	Phan Văn	Khải	31/08/2003	CCQ2205B				
6	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	6,9	9,0	8,2
7	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	8,4	8,0	8,2
8	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	5,1	0,0	2,0
9	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	6,8	8,0	7,5
10	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	5,1	0,0	2,0
11	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	8,2	8,0	8,1
12	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	5,2	0,0	2,1
13	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	7,2	0,0	2,9
14	2122050137	Trần Văn	Quốc	11/02/2004	CCQ2205B				
15	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	7,4	8,0	7,8
16	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	9,0	8,0	8,4
17	2122050055	Trần Ngọc	Thông	03/07/2004	CCQ2205B				
18	2122050064	Vạn Trung	Tín	05/10/2004	CCQ2205B				
19	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	5,0	0,0	2,0
20	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	5,0	5,0	5,0